TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:1127/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2019
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang.

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Trần Thị Trúc Ly – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 924/2019/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2019, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân H; Sinh năm: 1977; Hộ khẩu thường trú: 945/31/55 X, Khu phố Y, phường Z, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 102 LTB, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Hồ Bảo Ch; Sinh năm: 1973; Hộ khẩu thường trú: 945/31/55 X, Khu phố Y, phường Z, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

Bà và ông Hồ Bảo Ch tự tìm hiểu nhau mới tiến tới hôn nhân. Có tổ chức đám cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/KH/2002, quyển số 01, cấp ngày 25/3/2002.

Thời gian đầu sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình

không phù hợp nên dẫn đến cãi vã liên tục, đỉnh điểm đến cuối năm 2016 thì ông bà sống ly thân. Gia đình hai bên có tổ chức hòa giải nhưng vẫn không có tiếng nói chung, nên hiện nay bà đã sống riêng với ông Ch. Nay xét thấy không còn tình cảm với ông Ch nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên: Hồ Vỹ K; Sinh ngày: 05/3/2004 và Hồ Mỹ K; Sinh ngày: 24/7/2011. Bà yêu cầu được nuôi trẻ Hồ Mỹ K; Sinh ngày: 24/7/2011 còn trẻ Hồ Vỹ K; Sinh ngày: 05/3/2004 để ông Ch được tiếp tục nuôi dưỡng. Cả bà và ông Ch đều có điều kiện để nuôi con, ông Ch làm kinh doanh, còn bà đi làm nhà nước đều có thu nhập ổn định, mỗi người đều có nhà riêng để ở. Do bé Hồ Vỹ K sống với cha từ lâu nên bà muốn để ông Ch tiếp tục nuôi dưỡng. Còn trẻ Hồ Mỹ K là con gái và sống với bà từ nhỏ nên bà muốn được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng, cũng như không cấp dưỡng nuôi con cho ông Ch.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn - ông Hồ Bảo Ch trình bày như sau:

Ông và bà H tự nguyện tìm hiểu nhau mới đi đến kết hôn vào năm 2002. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/KH/2002, quyển số 01, cấp ngày 25/3/2002. Quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do công việc của bà H thường xuyên đi sớm về muộn nên vợ chồng xảy ra lục đục, cãi vã. Hiện nay bà H không sống chung nhà với ông nữa mà sống riêng một nơi khác. Giữa hai người đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Ông vẫn còn thương yêu vợ con và không đồng ý ly hôn. Vì tương lai của các con ông vẫn mong muốn gia đình đoàn tụ và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là Hồ Vỹ K; Sinh ngày: 05/3/2004 và Hồ Mỹ K; Sinh ngày: 24/7/2011. Nếu Tòa giải quyết ly hôn ông yêu cầu được nuôi cả hai trẻ Hồ Vỹ K; Sinh ngày: 05/3/2004 và trẻ Hồ Mỹ K; Sinh ngày: 24/7/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự,

thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Xuân H đối với ông Hồ Bảo Ch. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là Hồ Vỹ K; Sinh ngày: 05/3/2004 và Hồ Mỹ K; Sinh ngày: 24/7/2011. Đề nghị giao cho bà H nuôi trẻ Hồ Mỹ K và giao cho ông Ch nuôi trẻ Hồ Vỹ K. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H và ông Ch không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Các đương sự yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Xuân H xin ly hôn với ông Hồ Bảo Ch, ông Ch cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Xuân H và bị đơn – ông Hồ Bảo Ch đều có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 45/KH/2002, quyển số 01, ngày 25 tháng 03 năm 2002 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp, cùng lời khai của bà H và ông Ch về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Ch là hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Ch vì cho rằng không còn tình cảm với ông Ch, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và thời gian ly thân kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống, tuy nhiên ông Ch không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn yêu thương bà H và vì các con nên không đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào yêu cầu và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân tồn tại trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng lẫn nhau, cùng nhau xây dựng và chăm lo hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Ch đã không có tiếng nói chung, mỗi người đưa ra một nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau về việc phát sinh mâu thuẫn làm cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Bản thân bà H thừa nhận đã hết tình cảm với ông Ch và đưa ra những mâu thuẫn khiến cho hôn nhân không hạnh phúc.

Ông Ch cũng thừa nhận thời gian ly thân đã lâu nhưng không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã có biên bản xác minh mâu thuẫn giữa bà H và ông Ch tại địa phương nơi cư trú của các đương sự là Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, tại địa phương không nhận được trình báo về việc mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân và con chung giữa bà H và ông Ch. Vì vậy, Ủy ban không có thông tin về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và nuôi con giữa bà H và ông Ch. Như vậy, mặc dù giữa bà H và ông Ch không phát sinh mâu thuẫn phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp giải quyết nhưng tại Tòa nguyên đơn thừa nhận rằng đã hết yêu thương và hết tình cảm với bị đơn. Bị đơn cho rằng thời gian sống ly thân đã lâu, giữa hai người có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Thiết nghĩ, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng và vun đắp bằng tình yêu thương từ hai phía, tình yêu cũng là nền tảng vững chắc nhất để xây dựng hôn nhân hạnh phúc và bền vững. Tuy nhiên, bà H khẳng định đã không còn yêu thương ông Ch nên không đồng ý hàn gắn gia đình, ông Ch không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra phương án nào để hàn gắn và đoàn tụ gia đình. Bên cạnh đó, thời gian ly thân giữa hai người đã khá lâu, vì vậy việc đoàn tụ và hàn gắn gia đình giữa bà H và ông Ch là khó thực hiện được. Cho thấy rằng, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, bà H và ông Ch đã không tìm thấy tiếng nói chung, không còn yêu thương, tin tưởng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn là cần thiết, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà H và ông Ch có 02 (hai) con chung tên là Hồ Vỹ K; Sinh ngày: 05/3/2004 và Hồ Mỹ K; Sinh ngày: 24/7/2011.

Bà H yêu cầu được nuôi trẻ Hồ Mỹ K; Sinh ngày: 24/7/2011, còn trẻ Hồ Vỹ K; Sinh ngày: 05/3/2004 giao cho ông Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Ch lại yêu cầu được nuôi cả hai trẻ Hồ Vỹ K và Hồ Mỹ K.

Xét yêu cầu của đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét mọi điều kiện nhằm đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho con. Bà H và ông Ch đều chứng minh có điều kiện về thu nhập và chỗ ở tốt để nuôi con. Tuy nhiên, yêu cầu của bà H là phù hợp với điều kiện sinh hoạt thực tế hiện nay của hai bé và của bà H và ông Ch. Hiện nay bà H vẫn là người trực tiếp nuôi trẻ Hồ Mỹ K, còn ông Ch là người trực tiếp nuôi trẻ Hồ Vỹ K, các trẻ đều có nguyện vọng được sống như hiện tại là trẻ Hồ Vỹ K sống với cha, trẻ Hồ Mỹ K sống với mẹ. Như vậy, yêu cầu của bà H phù hợp với nguyện vọng của các trẻ, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H. Vì vậy, giao trẻ Hồ Mỹ K; Sinh ngày: 24/7/2011 cho bà H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao trẻ Hồ Vỹ K; Sinh ngày: 05/3/2004 cho ông Ch trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H và ông Ch không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Hồ Bảo Ch cùng yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Hồ Bảo Ch cùng khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Xuân H phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0018536 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân H đối với ông Hồ Bảo Ch.

Giấy chứng nhận kết hôn số 45/KH/2002, quyển số 01, ngày 25 tháng 03 năm 2002 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm án có hiệu lực pháp luật.

2.Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là Hồ Vỹ K; Sinh ngày: 05/3/2004 và Hồ Mỹ K; Sinh ngày: 24/7/2011. Giao trẻ Hồ Mỹ K cho bà Nguyễn Thị Xuân H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng và giao trẻ Hồ Vỹ K cho ông Hồ Bảo Ch được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H và ông Ch không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4.Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Hồ Bảo Ch cùng yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xem xét giải quyết.

5.Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Hồ Bảo Ch cùng khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

6. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Xuân H phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0018536 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án sơ thẩm xét xử công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Bình Tân;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Lệ Hoa